TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2022/HNGĐST
Ngày 05-8-2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Ông **Trần Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh**.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Thúy H** – sinh năm 1978

Địa chỉ: số 222, tổ 7, ấp T Q, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

**** Bị đơn:*** anh **Trần Văn O** - sinh năm 1966

Địa chỉ: số 222, tổ 7, ấp T Q, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:***

Chị Hằng và anh Trần Văn O tự quen nhau chung sống với nhau vào năm 1994 được UBND xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004 ngày 11/10/2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống gia định bên chồng

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh O không lo làm ăn, đi làm có tiền thì tiêu xài riêng cho bản thân, anh không có trách nhiệm với vợ con, hay đi nhậu về rồi đánh đuổi mẹ con tôi ra khỏi nhà, chị H phải ở tạm nhà bếp hoặc qua nhà họ hàng ngủ nhờ qua đêm. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 05 con chung :

1. Trần Văn D – sinh năm 1994
2. Trần Văn B – sinh năm 1997
3. Trần Văn Th – sinh năm 2000
4. Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009
5. Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015

Các cháu Trần Thị Nhũ Th và Trần Văn Th đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị H. Riêng ba người con Trần Văn D – sinh năm 1994, Trần Văn B – sinh năm 1997 và Trần Văn Th – sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị H yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh O.

- Về quan hệ con chung: chị H yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009 và cháu Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015, không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

Riêng ba người con là Trần Văn D – sinh năm 1994, Trần Văn B – sinh năm 1997 và Trần Văn Th – sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh O được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn vắng mặt không lý do nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy H.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009 và cháu Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn O được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị miễn xét.

Riêng ba người con là Trần Văn D – sinh năm 1994, Trần Văn B – sinh năm 1997 và Trần Văn Th – sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn anh Trần Văn O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh O vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh O nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Văn O.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Thúy H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Trần Văn O chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang ngày 11/10/2004, đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh O không lo làm ăn, đi làm có tiền thì tiêu xài riêng cho bản thân, anh không có trách nhiệm với vợ con, hay đi nhậu về rồi đánh đuổi mẹ con tôi ra khỏi nhà, chị H phải ở tạm nhà bếp hoặc qua nhà họ hàng ngủ nhờ qua đêm.

Xét thấy: Chị H, anh O chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010 chị H đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, từ đó cho thấy vợ chồng chị H, anh O đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; mặt khác, chị H và anh O đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh O đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh O là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu được nuôi con Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009 và cháu Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015 của chị Nguyễn Thị Thúy H.

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009 và cháu Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015 là muốn được ở với mẹ là chị H, hiện nay 02 cháu vẫn đang được chị H nuôi dưỡng và chị H vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Do chị H không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thúy H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Thúy H.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Trần Văn O.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Thị Nhũ Th – sinh ngày 12/9/2009 và cháu Trần Văn Th – sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy

H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng ba người con là Trần Văn D – sinh năm 1994, Trần Văn B – sinh năm 1997 và Trần Văn Th – sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn O được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006363, ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Văn O có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T H A:
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Đạo